

## Găng tay dùng một lần neoprene vô khuẩn, được thiết kế để sử dụng trong môi trường phòng sạch vô khuẩn và Hạng 100 (ISO 5)/Loại A

- Cải thiện độ bền:** Găng tay dùng một lần vô khuẩn TouchNTuff™ DermaShield™ 73-701 có công thức neoprene độc đáo, mang lại độ bền và khả năng chống lỗ thủng cao hơn
- Giảm nguy cơ dị ứng:** Được thiết kế cho môi trường vô khuẩn và không chứa protein latex và chất gia tốc lưu hóa, những chiếc găng tay neoprene này ngăn ngừa nguy cơ dị ứng và nhạy cảm Loại I và Loại IV
- Các đặc tính cao cấp:** Cổ tay xe viền, được thiết kế với Công nghệ chống tuột cổ tay SUREFIT™, ngăn cổ tay tuột xuống, đảm bảo đeo lâu dài
- Tăng cường bảo vệ:** Ngoài độ bền chắc, những chiếc găng tay neoprene này còn mang đến cho người đeo khả năng chống văng bắn hóa chất, bảo vệ bàn tay khỏi nhiều mối nguy hiểm khác nhau



### CÁC TÍNH NĂNG & ƯU ĐIỂM NỔI BẬT

- Công thức Neoprene:** Khả năng chống lỗ thủng và độ bền tuyệt vời
- Công nghệ SUREFIT™:** Giảm nguy cơ cổ găng tay tụt xuống
- Không chứa latex, không chứa chất gia tốc lưu hóa:** Loại bỏ nguy cơ dị ứng Loại I và Loại IV

#### Các ngành công nghiệp

- Sản xuất dược phẩm
- Nghiên cứu và phát triển phòng thí nghiệm
- Sản xuất công nghệ sinh học
- Môi trường được kiểm soát chính xác
- Chế tạo và Sản xuất

#### Khuyến nghị dành cho

- Vận chuyển chất lỏng và chất rắn
- Lấy và xử lý mẫu
- Trộn, pha chất rắn và chất lỏng
- Chiết rót và dán nhãn vô trùng

[WWW.ANSELL.COM](http://WWW.ANSELL.COM)

**Ansell**

### BẢNG DỮ LIỆU KỸ THUẬT

|                                                          | Thông tin sản phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Vật liệu                                                 | Neoprene                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Màu sắc                                                  | Xanh lục                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Hình dạng                                                | Hình dạng giải phẫu học cho ngón tay cong                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Cổ găng tay                                              | Straight with SUREFIT Technology                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| Tiêu chuẩn đánh giá sản xuất/QMS                         | ISO 9001:2015                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| Quy định                                                 | 21 CFR § 820 Quy định hệ thống chất lượng, AS/NZS 4179, ASTM D3577, ASTM D7160, Tiêu chuẩn CE 0493, Tiêu chuẩn EN 421:2010, EN 556-1:2001, EN ISO 21420:2020, EN ISO 374-1:2016 Ty Tiêu chuẩn ISO 10282, Tiêu chuẩn ISO 11193, ISO 13485, Tiêu chuẩn ISO 14001, Tiêu chuẩn ISO 9001: 2015, Hàng III, UKCA |
| Bao bì                                                   | 1 cặp cho mỗi gói bên trong, 1 gói bên trong cho mỗi gói thông minh, 25 SmartPacks cho mỗi túi bên trong, 2 túi bên trong cho mỗi túi bên ngoài, 4 túi bên ngoài                                                                                                                                          |
| Kích thước cổ sản                                        | 5.5, 6, 6.5, 7, 7.5, 8, 8.5, 9                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| Bề mặt ngoài găng tay                                    | Các ngón tay nhám                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| Bề mặt găng tay bên trong                                | Phủ polymer bằng Công nghệ DERMASHIELD™                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| Phương pháp tiệt trùng                                   | Chiếu tia GAMMA (25 kGy)                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Loại phòng sạch                                          | Loại 100/ISO 5                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| Thời hạn sử dụng                                         | 5 Years                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| Đã được thử nghiệm để sử dụng với Thuốc điều trị ung thư | Có, theo tiêu chuẩn ASTM D6978 (Không được liệt kê trong US FDA 510k)                                                                                                                                                                                                                                     |
| Mức protein                                              | Không áp dụng: không chứa latex cao su tự nhiên                                                                                                                                                                                                                                                           |
| Chống tĩnh điện                                          | Không                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

# TouchNTuff®

ADVANCED PRODUCT & WORKER PROTECTION

73-701

Găng tay neoprene vô khuẩn dùng một lần với nguy cơ dị ứng thấp

| Tính chất vật lý                               |             |         |         |         |         |       |            |         | Phương pháp thử nghiệm |
|------------------------------------------------|-------------|---------|---------|---------|---------|-------|------------|---------|------------------------|
| Kích thước                                     | 5.5         | 6       | 6.5     | 7       | 7.5     | 8     | 8.5        | 9       |                        |
| Độ dài (mm/in)                                 | 295 / 11.6  |         |         |         |         |       |            |         | EN 420/ASTM D3767      |
| Chiều rộng lòng bàn tay (mm/in)                | 73/2.87     | 78/3.07 | 84/3.31 | 90/3.54 | 96/3.78 | 103/4 | 109.5/4.31 | 117/4.6 |                        |
| Không thấm                                     | 0.65 AQL    |         |         |         |         |       |            |         | EN 455-1/ASTM D3577    |
| Số lượng hạt điện hình 20.5µm (tổng số / cm²)  | ≤ 3500      |         |         |         |         |       |            |         | IEST-RP-CC005.4        |
| Độ dày lòng bàn tay một lớp tối thiểu (mm/mil) | 0.19 / 7.5  |         |         |         |         |       |            |         | EN 420/ASTM D3767      |
| Độ dày ngón tay một lớp tối thiểu (mm/mil)     | 0.21 / 8.27 |         |         |         |         |       |            |         | EN 420/ASTM D3767      |
| Độ dày cổ tay một lớp tối thiểu (mm/mil)       | 0.15 / 5.9  |         |         |         |         |       |            |         | EN 420/ASTM D3767      |
| Force at Break (N) Before Aging                | 9           |         |         |         |         |       |            |         | EN 455-2               |
| Độ bền kéo tối đa (N) khi hóa già              | 9           |         |         |         |         |       |            |         | EN 455-2               |

## THÔNG TIN ĐẶT HÀNG

| KÍCH THƯỚC        | 5.5      | 6      | 6.5    | 7      | 7.5    | 8      | 8.5    | 9      |
|-------------------|----------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| MÃ SỐ ĐẶT MUA LẠI | 73701055 | 387069 | 387070 | 387071 | 387072 | 387073 | 387074 | 387075 |

## TIÊU CHUẨN HIỆU SUẤT VÀ TUÂN THỦ QUY ĐỊNH



Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập trang web [www.ansell.com](http://www.ansell.com) của chúng tôi, Công nghệ hoặc gọi cho chúng tôi theo số

### Khu vực Châu Âu, Trung Đông & Châu Phi

Ansell Healthcare Europe NV  
Điện thoại: +32 (0) 2 528 74 00  
Fax: +32 (0) 2 528 74 01

### Khu vực Châu Á Thái Bình Dương

Ansell Global Trading Center  
Điện thoại: +603 8310 6688  
Fax: +603 8310 6699

### Khu vực Bắc Mỹ

Ansell Healthcare Products LLC  
Số điện thoại tại Hoa Kỳ: +1 800 800 0444  
Số fax tại Hoa Kỳ: +1 800 800 0445  
Số điện thoại tại CA: +1 800-363-8340

### Khu vực Mỹ Latinh & Caribe

Ansell Commercial Mexico S.A. de C.V.  
Điện thoại: +52 442 248 1544 / 248 3133

### Australia

Ansell Limited  
Điện thoại: +61 1800 337 041  
Fax: +61 1800 803 578

### Vương quốc Anh

Ansell Nimble  
Điện thoại: +44 1638 663338  
Fax: +44 1638 668890



Ansell, ® và "®" là các nhãn hiệu thuộc sở hữu của Ansell Limited hoặc một trong các công ty liên kết của công ty này. Bằng sáng chế Hoa Kỳ và Bằng sáng chế Hoa Kỳ và không thuộc Hoa Kỳ đang chờ xử lý: [www.ansell.com/patentmarking](http://www.ansell.com/patentmarking) © 2025 Ansell Limited. Đã đăng ký Bản quyền.

Tất cả nội dung này đều là tài liệu kỹ thuật và không được đưa ra ở đây bởi hoặc thay mặt cho Ansell. Ansell không được hiểu là sẽ bảo đảm (nhà sản xuất) hoặc bảo đảm (nhà sản xuất) bất kỳ sản phẩm nào của Ansell. Điều này phù hợp cho một mục đích cụ thể nào đó. Ansell không chịu trách nhiệm về sự phù hợp hoặc đúng đắn của sự lựa chọn găng tay của người dùng cuối cho một ứng dụng cụ thể.

